

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng ngoại  
thương Lào trong điều kiện hội nhập  
kinh tế quốc tế**

**VOLACHIT Sompadith**

Chuyên ngành: *Kinh tế tài chính - ngân hàng*

Mã số: *62.31.12.01*

Họ và tên cán bộ hướng dẫn khoa học:

Hướng dẫn 1: **PGS,TS Hà Minh Sơn**

Hướng dẫn 2: **PGS,TS Lê Văn Hưng**

**2013**

## LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA NGÂN HÀNG TH- ƠNG MẠI TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

### 1.1 Hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng

#### 1.1.1 Hội nhập kinh tế quốc tế

##### 1.1.1.1 Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế, theo quan niệm đơn giản nhất và phổ biến trên thế giới, là việc các nền kinh tế gắn kết lại với nhau. Theo cách hiểu này, hội nhập kinh tế đã diễn ra từ hàng ngàn năm nay và hội nhập kinh tế với quy mô toàn cầu đã diễn ra từ cách đây hai nghìn năm khi đế quốc La Mã xâm chiếm thế giới và mở mang mạng l- ới giao thông, thúc đẩy l- u thông hàng hóa trong toàn bộ lãnh địa chiếm đóng rộng lớn và áp đặt đồng tiền của họ cho toàn bộ các nơi.

Hội nhập kinh tế, hiểu theo một cách chặt chẽ hơn, là việc gắn kết mang tính thể chế giữa các nền kinh tế lại với nhau. Khái niệm này đ- ợc Besla Balassa đề xuất từ thập niên 1960 và đ- ợc chấp nhận chủ yếu trong giới học thuật và lập chính sách. Nói rõ hơn, hội nhập kinh tế là quá trình chủ động thực hiện hợp đồng thời hai việc: một mặt, gắn nền kinh tế và thị tr- ờng từng n- ớc với thị tr- ờng khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực thực hiện mở cửa và thúc đẩy tự do hóa nền kinh tế quốc dân; và mặt khác, gia nhập và góp phần xây dựng các thể chế kinh tế khu vực và toàn cầu.

Hội nhập kinh tế có thể là song ph- ơng - tức là giữa hai nền kinh tế, hoặc khu vực - tức là giữa một nhóm nền kinh tế, hoặc đa ph- ơng - tức là có quy mô toàn thế giới giống nh- những gì mà Tổ chức Th- ơng mại Thế giới đang h- ớng tới. Về cấp độ hội nhập th- ờng đ- ợc phân chia thành sáu cấp độ: khu vực / hiệp định th- ơng mại - u đãi, khu vực / hiệp định th- ơng mại tự do, liên minh thuế quan, thị tr- ờng chung, liên minh kinh tế tiền tệ, và hội nhập toàn diện.

Tuy nhiên trong thực tế, các cấp độ hội nhập có thể nhiều hơn và đa dạng hơn. Trong đó:

**Thỏa thuận th-ong mại - u đãi**, là cấp độ thấp nhất của liên kết kinh tế, theo đó các quốc gia tham gia hiệp định dành các - u đãi về thuế quan và phi thuế quan cho hàng hóa của nhau. Trong các thỏa thuận này, thuế quan và hàng rào phi thuế quan có thể vẫn còn, nh- ng thấp hơn so với khi áp dụng cho quốc gia không tham gia hiệp định. Một ví dụ về thỏa thuận th-ong mại - u đãi là Hiệp định về Thỏa thuận Th-ong mại Ưu đãi ASEAN đ- ợc ký kết tại Manila năm 1977 và đ- ợc sửa đổi năm 1995; hay Khu vực Th-ong mại Ưu đãi Đông và Nam Phi tồn tại từ năm 1981 đến năm 1994; hay nh- các hiệp định dành - u đãi th-ong mại (hay tối huệ quốc) mà một số n- ớc phát triển có thể dành cho các n- ớc đang phát triển.

**Hiệp định th-ong mại tự do**, là hiệp định theo đó các n- ớc ký kết cam kết bãi bỏ thuế quan và hàng rào phi thuế quan cho tất cả hoặc gần nh- tất cả hàng hóa của nhau. Có thể có những dòng thuế sẽ đ- ợc bãi bỏ chậm hơn; và ng- ời ta th- ờng đ- a các dòng thuế này vào “danh sách nhạy cảm”. Chỉ một số ít dòng thuế sẽ không đ- ợc bãi bỏ và đ- ợc liệt kê trong “danh sách loại trừ”. Quy tắc xuất sứ là một phân quan trọng của các hiệp định th-ong mại tự do nhằm đảm bảo chỉ những hàng hóa đ- ợc sản xuất toàn bộ hoặc tối thiểu ở một tỷ lệ nhất định tại các n- ớc thành viên hiệp định mới đ- ợc buôn bán tự do nhằm tránh tình trạng n- ớc không tham gia hiệp định sử dụng cách tái xuất hoặc chỉ lắp ráp tại một n- ớc tham gia hiệp định mà có thể xuất khẩu sang n- ớc còn lại của hiệp định không phải chịu thuế.

Một hiệp định th-ong mại tự do nổi tiếng đ- ợc thành lập từ năm 1960, đó là Hiệp hội Th-ong mại Tự do Châu Âu. Sau những bế tắc của đàm phán tự do hóa th-ong mại đa ph-ong trong khuôn khổ GATT, các hiệp định th-ong mại tự do song ph-ong (giữa hai n- ớc) và khu vực xuất hiện ngày càng nhiều từ giữa thập niên 1990. Và trong số những quốc gia hăng hái nhất trong việc ký kết các hiệp định th-ong mại tự do song ph-ong phải kể đến Mexico, Singapore. Những khu vực th-ong mại tự do nổi tiếng mới thành lập từ thập niên 1990 điển hình là Hiệp định Th-ong mại Tự do Bắc Mỹ (thành lập năm 1994), Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (hiệp định đ- ợc ký kết vào năm 1992). Ngoài ra, còn có những hiệp định th-ong mại tự do giữa một n- ớc

với cả một khối, nh- Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế ASEAN – Trung Quốc (ký kết vào năm 2002).

Do xóa bỏ gần nh- hoàn toàn thuế quan và hàng rào phi thuế quan, nên việc đàm phán để thành lập một hiệp định th- ơng mại tự do rất mất thời gian và qua nhiều vòng th- ơng thảo. Những n- ớc hăng hái với tự do hóa th- ơng mại có thể thỏa thuận tiến hành ch- ơng trình giảm thuế quan sớm (còn gọi là ch- ơng trình thu hoạch sớm) đối với một số dòng thuế tr- ớc khi đàm phán kết thúc và hiệp định đ- ợc thành lập.

**Hiệp định đối tác kinh tế**, là cấp độ hội nhập kinh tế sâu hơn hiệp định th- ơng mại tự do, theo nghĩa là ngoài việc tự do hóa th- ơng mại hàng hóa thông qua bãi bỏ thuế quan và hàng rào phi thuế quan lại còn bao gồm cả tự do hóa dịch vụ, bảo hộ đầu t- , thúc đẩy th- ơng mại điện tử giữa các n- ớc ký kết hiệp định.

Nhật Bản là quốc gia có xu h- ớng thích các hiệp định đối tác kinh tế vì nó cho phép quốc gia này thâm nhập toàn diện vào các thị tr- ờng của n- ớc đối tác. Hiện Nhật Bản đã ký kết 8 hiệp định đối tác kinh tế song ph- ơng và một hiệp định đối với ASEAN (AJCEP), đang đàm phán để đi tới ký kết 5 hiệp định khác (Hàn Quốc, □n Độ, Việt Nam, □c, Thụy Sĩ), có 15 quốc gia, lãnh thổ và khu vực đang có nguyện vọng đàm phán và ký kết hiệp định đối tác kinh tế với Nhật Bản.

**Thị tr- ờng chung** có đầy đủ các yếu tố của hiệp định đối tác kinh tế và liên minh thuế quan, cộng thêm các yếu tố nh- tự do di chuyển các yếu tố sản xuất (vốn, lao động) giữa các n- ớc thành viên. Một thị tr- ờng chung nh- vậy đã từng đ- ợc thành lập ở châu Âu vào năm 1957 theo Hiệp - ớc Rome và mất một thời gian dài mới hoàn thành mục tiêu. Khối ASEAN cũng đã thỏa thuận sẽ thực hiện đ- ợc mục tiêu một thị tr- ờng chung và một cơ sở sản xuất thống nhất trong toàn khối vào năm 2020 trong khuôn khổ Cộng đồng kinh tế ASEAN.

**Liên minh thuế quan**, đây có thể hiểu là một khu vực th- ơng mại tự do giữa các n- ớc thành viên cộng với thuế quan thống nhất của các n- ớc thành viên đối với hàng hóa từ ngoài khu vực. Việc thành lập liên minh thuế quan cho phép tránh đ- ợc

những phức tạp liên quan đến quy tắc xuất xứ, nh- ng lại làm nảy sinh những khó khăn trong phối hợp chính sách giữa các n- ớc thành viên.

*Liên minh kinh tế và tiền tệ*, hội nhập kinh tế đến cấp độ này tạo ra một thị trường chung giữa các nền kinh tế (không còn hàng rào kinh tế nào nữa) với một đơn vị tiền tệ chung. Ví dụ rõ nhất về cấp độ liên minh này là Khu vực đồng Euro. Các khu vực đ- ợc thành lập với mục tiêu trở thành liên minh kinh tế nh- ng ch- a hoàn thành đ- ợc mục tiêu này gồm: Cộng đồng Kinh tế Tây Phi, Cộng đồng Caribe (tiền thân là Cộng đồng và Thị trường Chung Caribe). Trong các liên minh từng tồn tại nh- ng nay không còn có Liên minh Bỉ – Luxembourg.

Trong lịch sử đã từng có những khu vực dựng một đơn vị tiền tệ chung, nh- Liên minh Tiền tệ Latinh hồi thế kỷ 19, nh- ng họ ch- a xây dựng đ- ợc một thị trường chung nên không gọi đó là liên minh kinh tế và tiền tệ. Lại có một số n- ớc hay khu vực khác làm đơn vị tiền tệ chính thức của mình, nh- ng giữa họ không có một thị trường chung, nên không gọi là liên minh kinh tế – tiền tệ. Hiện nay, tuy Anh đã tham gia Liên minh châu Âu, nh- ng vì Anh vẫn giữ đơn vị tiền tệ riêng là đồng Bảng Anh, nên Anh không tham gia liên minh kinh tế tiền tệ ở Châu Âu. Với một đơn vị tiền tệ chung, các n- ớc thành viên sẽ phải từ bỏ quyền thực thi chính sách tiền tệ riêng của mình, mà thay vào đó là một chính sách tiền tệ chung của toàn khối do một ngân hàng trung - ơng chung của khối đó thực hiện, nh- trường hợp của ngân hàng trung - ơng Châu Âu. Khi mà ngay cả chính sách tài chính cũng đ- ợc thực hiện chung, hội nhập kinh đạt đến độ hoàn toàn.

### **1.1.1.2 Xu h- ớng tất yếu hội nhập kinh tế quốc tế**

Hội nhập kinh tế là xu thế tất yếu và là một yêu cầu khách quan đối với bất kỳ quốc gia nào trong quá trình phát triển. Xu h- ớng này ngày càng hình thành rõ nét, đặc biệt là nền kinh tế thị trường đang trở thành một sân chơi chung cho tất cả các n- ớc; thị trường tài chính đang mở rộng phạm vi hoạt động gần nh- không biên giới, vừa tạo điều kiện cho tăng c- ờng hợp tác, vừa làm sâu sắc và gay gắt thêm quá trình cạnh tranh.

Đối với các quốc gia đang phát triển và đang trong quá trình chuyển đổi, yêu cầu hội nhập kinh tế càng trở nên cấp thiết và có ý nghĩa; nó đòi hỏi các quốc gia này không thể đứng ngoài tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trên tất cả các mặt nếu muốn thành công trong phát triển kinh tế. Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi các quốc gia trên thế giới phải tham gia trên thế giới phải tham gia ngày một sâu rộng hơn vào các giao lưu kinh tế quốc tế, đặc biệt về thương mại, tài chính, đầu tư và việc tham gia vào các cơ chế kinh tế - thương mại quốc tế ở quy mô toàn cầu và khu vực.

Hội nhập kinh tế sẽ mang lại những lợi ích căn bản, lâu dài nhất là đối với những quốc gia có khả năng điều chỉnh cơ cấu kinh tế và các chính sách thích hợp. Nó cũng sẽ tạo ra cơ hội để các nước có thể cùng hợp tác, thống nhất tạo sức mạnh đủ sức cạnh tranh và đàm phán với các quốc gia lớn, ngăn ngừa được khả năng bị chèn ép, bị cô lập trong đàm phán – thực hiện thương mại và đầu tư quốc tế. Qua đó, vị thế quốc gia sẽ ngày càng được nâng cao. Đây cũng chính là lý do căn bản mà phần lớn các nước, các tổ chức kinh tế khu vực, thế giới cam kết thúc đẩy quá trình cải cách phát triển kinh tế gắn với hội nhập quốc tế. Song song với những lợi ích và cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra, các quốc gia cũng sẽ đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức đặc biệt trong vấn đề áp lực cạnh tranh ngày càng cao ngay cả trên thị trường trong từng nước. Đây chính là động lực quan trọng để thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phải cơ cấu lại sản xuất, nâng cao trình độ quản lý và nâng cao khả năng cạnh tranh.

Thực tế, đã có không ít quốc gia thành công sau quá trình hội nhập và đã trở thành những nước công nghiệp mới (NICs – New Industry Countries) nhờ tham gia tích cực vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, họ cũng đã phải đối mặt và chịu nhiều thiệt thòi trước những nguy cơ thách thức trong giai đoạn đầu của quá trình hội nhập. Việc áp dụng các nguyên tắc của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) hay thực hiện các hiệp định thương mại song phương, đa phương đòi hỏi các nước, nhất là các nước đang phát triển, phải điều chỉnh sâu sắc các chính sách kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và điều chỉnh cơ cấu kinh tế cho phù hợp. Thực tế cho thấy, càng

tích cực và chủ động nhập nhập bao nhiêu thì các chi phí và thua thiệt trong giai đoạn đầu hội nhập càng thấp so với việc kéo dài quá trình hành động.

Hội nhập kinh tế quốc tế luôn song hành với hai mặt: đ- ợc và mất. Tuy nhiên, không một quốc gia nào đ- ợc tất cả và cũng không một quốc gia nào mất tất cả, chỉ có một tình huống chắc chắn mất hết đó là co mình lại, đóng cửa và cự tuyệt, kh- ớc từ với xu h- ớng hội nhập.

## **1.1.2 Hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng**

### **1.1.2.1 Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng**

*Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng là quá trình mở cửa để đ- ợc hệ thống ngân hàng trong n- ớc hòa nhập với hệ thống ngân hàng khu vực và thế giới, hoạt động ngân hàng không còn bó hẹp trong phạm vi một n- ớc, một khu vực mà mở rộng trên phạm vi toàn cầu.*

Hoạt động ngân hàng phải tuân thủ theo quy luật thị tr- ờng và các nguyên tắc kinh doanh quốc tế, hoạt động ngân hàng đ- ợc thực hiện theo tín hiệu thị tr- ờng mà không bị ngăn chặn bởi các biện pháp quản lý hành chính, lãi suất, tỷ giá, hoạt động tín dụng do thị tr- ờng quyết định.

Quá trình hội nhập của hệ thống ngân hàng có thể hiểu là quá trình cải cách từng b- ớc hệ thống ngân hàng xuất phát từ yêu cầu thực tế của quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế quốc gia, vì có nh- vậy hệ thống ngân hàng mới có thể đảm nhiệm và phát huy đ- ợc vai trò trung gia tài chính của mình trong bối cảnh nền kinh tế mới với nhiều biến động phức tạp của thị tr- ờng quốc tế nói chung và thị tr- ờng nội địa nói riêng.

Thực hiện hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng đòi hỏi chính phủ và ngân hàng nhà n- ớc phải xóa bỏ những - u đãi, tiến tới cạnh tranh bình đẳng giữa các ngân hàng trong và ngoài n- ớc. Do đó, mức độ hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng có mối quan hệ chặt chẽ với mức độ tự do hóa tài chính - tiền tệ. Việc thực hiện tự do hóa tài chính - tiền tệ càng sâu rộng có hiệu quả thì việc hội nhập ngân hàng càng thuận lợi.

Cho đến nay, cả lý luận và thực tiễn phát triển của các nền kinh tế thế giới đã khẳng định rằng: một quốc gia muốn tồn tại, phát triển ổn định và bền vững cần phải chủ động hội nhập quốc tế, đặc biệt là chủ động hội nhập thành công lĩnh vực tài chính ngân hàng – lĩnh vực nhạy cảm và trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

### **1.1.2.2 Xu hướng của quá trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng**

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng của một nền kinh tế được thể hiện thông qua mức độ mở cửa về hoạt động ngân hàng giữa nền kinh tế đó với cộng đồng tài chính, tiền tệ khu vực và quốc tế. Mức độ mở cửa hội nhập quốc tế về hoạt động ngân hàng là mức độ quan hệ giao lưu về ngân hàng (gồm các quan hệ tín dụng, tiền tệ và dịch vụ ngân hàng) của một nền kinh tế với phần còn lại của thế giới, là quá trình tự do hóa khu vực tài chính tiền tệ, tín dụng ngân hàng, tháo dỡ các rào cản ngăn cách khu vực này với phần còn lại của thế giới.

Từ những năm 1970, nền kinh tế thế giới chuyển sang một mô hình phát triển mới. Điều đó là do sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghệ thông tin, thị trường toàn cầu mở rộng và chủ nghĩa tư bản quốc tế phát triển. Tốc độ giao dịch tiền tệ hiện nay đã lớn hơn nhiều so với hoạt động thương mại hàng hóa. Năm 1995, trao đổi ngoại tệ đã gấp hơn 70 lần so với thương mại quốc tế về hàng hóa. Những hạn chế về công nghệ đã giảm, giao dịch vốn và dịch vụ tài chính được tiến hành thuận lợi hơn nhờ những tiến bộ nhanh chóng trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Trong khi đó, các giao dịch về hàng hóa vẫn bị hạn chế do chậm thay đổi hơn về phương pháp chế tạo, phân phối và lưu chuyển. Thêm vào đó, sự thay đổi trong tổ chức tài chính trong nước và quốc tế đã làm tăng mức biến động về tài chính quốc tế và khả năng hàng hóa tài chính. Cùng với việc phá vỡ chế độ tỷ giá hối đoái cố định của hệ thống Bretton Woods vào đầu những năm 1970, mục tiêu căn bản của hoạt động trao đổi ngoại tệ được chuyển từ các giao dịch tiền tệ phục vụ thương mại hàng hóa sang trao đổi tiền tệ với tư cách là hàng hóa. Số lượng các nước bắt đầu mở cửa thị trường, nới lỏng cơ chế kiểm soát vốn và trong lĩnh vực tài chính ngày càng tăng.

Tính lưu động ngày một cao hơn của vốn quốc tế, việc toàn cầu hóa các thị trường tài chính và sự phát triển của các công cụ tài chính mới khiến một chính sách



tài chính đóng trở nên rất tốn kém và ít hiệu quả. Thực tế đã bắt các n-ớc đang phát triển tiến tới thị tr-ờng tài chính mở và hội nhập hơn với những mức độ khác nhau. Hội nhập hoạt động tài chính trong n-ớc ra quốc tế có những -u thế nhất định đối với tất cả mọi n-ớc. Cạnh tranh n-ớc ngoài buộc các tổ chức tín dụng trong n-ớc phải hoạt động hiệu quả hơn và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ. Nó cũng đẩy nhanh sự chuyển giao công nghệ tài chính, điều đặc biệt quan trọng đối với các n-ớc đang phát triển. Những n-ớc thành công trong việc hội nhập hệ thống ngân hàng vào thị tr-ờng thế giới có thể tiếp cận nhiều hơn với vốn và các dịch vụ tài chính nh- hoán đổi và cho phép đa dạng hóa rủi ro.

Có thể cho thấy rằng, hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế đã trở thành trào l-u và xu h-ớng tất yếu lan rộng đến tất cả các n-ớc trên thế giới với tốc độ và quy mô ngày một tăng nhanh. Với việc xác lập một đồng tiền chung, một siêu ngân hàng trung - ơng và xóa bỏ hoàn toàn những hạn chế về tài chính giữa các n-ớc trong khu vực, có thể nói, Châu Âu đã trở thành ng-ời đi tiên phong trong quá trình hội nhập ngân hàng, tài chính ở cấp khu vực. Trên phạm vi toàn cầu, các ngân hàng của các n-ớc EU đã có mặt trên hầu khắp các thị tr-ờng tài chính ở các quốc gia trên thế giới.

Các n-ớc đang phát triển cũng đã nhận thức rõ lợi ích của xu thế hội nhập toàn cầu, dần dỡ bỏ những hạn chế về xâm nhập thị tr-ờng đối với các tổ chức tài chính, qua đó thúc đẩy quá trình tự đổi mới của các ngân hàng trong n-ớc. Một số n-ớc cho phép ngay các tổ chức tài chính n-ớc ngoài mở chi nhánh cung cấp dịch vụ, số khác lại cho phép mở văn phòng đại diện. Trong một số tr-ờng hợp khác nh- Hồng Kông, Panama và Singapore lại xem xuất khẩu dịch vụ tài chính nh- một nguồn giải quyết việc làm và ngoại hối. Thực hiện các cam kết hội nhập đồng nghĩa với việc quốc gia đó cho phép các tổ chức ngân hàng n-ớc ngoài hoạt động trong cùng một môi tr-ờng pháp lý nh- ngân hàng trong n-ớc và áp dụng các quy định lỏng hơn cho các tổ chức tài chính n-ớc ngoài.

Để tăng tính hiệu quả trong việc phân bổ các nguồn lực cũng nh- phá bỏ sự kìm hãm đối với khu vực tài chính, vào đầu những năm 80, Hàn Quốc đã áp dụng một số chính sách cạnh tranh trong thị tr-ờng tài chính bằng việc giảm điều tiết đối với

các tổ chức phi ngân hàng, nói lỏng đáng kể hàng rào ngăn cản việc xâm nhập thị trường. Các tổ chức tài chính nước ngoài bao gồm các ngân hàng và công ty bảo hiểm nhân thọ được phép mở chi nhánh. Các ngân hàng thương mại thuộc sở hữu của Chính phủ được phép tư nhân hóa. Chính phủ cũng đã xóa bỏ lãi suất cho vay - u đãi và không thực hiện thêm bất kỳ một chương trình tín dụng chỉ định nào, đồng thời cũng thúc đẩy cạnh tranh mạnh hơn giữa các tổ chức tài chính bằng cách cho phép họ mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ.

Sự hội nhập của thị trường tài chính trong nước và trên thế giới không chỉ thể hiện trong tự do hóa thương mại đối với các dịch vụ tài chính mà còn thể hiện ở các tài sản tài chính. Các hạn chế đối với các dòng vốn đã được nói lỏng ở nhiều nước phát triển thương trường nằm trong một chương trình cải cách mở rộng lớn. Các dòng vốn đã hoàn toàn được thả nổi ở Argentina, Chile, Malaysia, Mexico, Philippines, Thailand, Uruguay. Ngày càng có nhiều nước đang phát triển khuyến khích sự tham gia của nước ngoài vào các thị trường chứng khoán trong nước.

Tuy nhiên, trong một thế giới ngày càng được quốc tế hóa và toàn cầu hóa, tự do hóa trên quy mô toàn cầu thì việc xóa bỏ các quy chế đối với các thị trường đã làm tăng thêm bất ổn tài chính. Trước khi tiến hành tự do hóa, các ngân hàng thương mại được quản lý rất chặt chẽ. Các trung gian tài chính này hoạt động theo hướng trực tiếp nhận tiền gửi của khách hàng và cho vay tới các doanh nghiệp thương mại và công nghiệp lớn, thương trường là thuộc sở hữu hay có mối quan hệ mật thiết với nhà nước. Do vậy, họ tránh được cạnh tranh mạnh mẽ và vẫn thu được lợi nhuận, tuy hiệu quả còn thấp. Khi gặp khủng hoảng gây phá sản hàng loạt thì kết quả hoạt động của trung gian tài chính vẫn có thể dự đoán trước được cũng như có sự hỗ trợ từ phía nhà nước.

Khi xem xét toàn bộ quá trình phát triển hàng năm của hệ thống ngân hàng cho thấy các ngân hàng lớn ở các nước đang phát triển hiếm khi gặp thất bại. Tuy nhiên, ngày nay do xóa bỏ các quy chế kiểm soát đã làm gia tăng thêm ảnh hưởng của các tác động tiêu cực từ bên ngoài. Hoạt động các ngân hàng đã chuyển từ thị trường trong nước bảo hộ sang một môi trường mới và không ổn định – thị trường được tự do hóa, tỷ giá thả nổi và áp lực phải thu được lợi nhuận cao hơn trong một thế giới tăng